

LỊCH PHỤ ĐẠO HỌC SINH TRONG TUẦN 14,15-HKI

STT	Môn	Lớp	GV thực hiện	Thời gian	Địa điểm	Đối tượng HS	Ghi chú
1	Ngữ văn	12	Trần Thị Thu Phương	Tiết 4 - Chiều Thứ 4,5	Phòng lớp 12A08	HS có TB<5 khối lớp 12	Tuần 14,15
2	Toán	10	Bùi Quỳnh Hương	Thứ 7 (15h - 16h30)	Phòng 103	HS có TB<5 khối lớp 10	Tuần 14,15
3	Toán	11	Thái Thị Lý	Thứ 7 (15h - 16h30)	Phòng 104	HS có TB<5 Lớp 11A03-11A12	Tuần 14,15
4	Toán	11	Thái Lê Minh Lý	Thứ 7 (15h - 16h30)	Phòng 105	HS có TB<5 Lớp 11A14-11A20	Tuần 14,15
5	Toán	12	Phan Thanh Tâm	Thứ 7 (15h - 16h30)	Phòng 103	HS có TB<5 khối lớp 12	Tuần 14,15
6	T.Anh	10	Hồ Thị Ánh Loan	Tiết 4 Chiều Thứ 4	Phòng lớp 10A12	10A12	Tuần 14,15
7	T.Anh	10	Lê Huyền Thùy Dương	Tiết 4 Chiều Thứ 5	Phòng lớp 10A4	10A4	Tuần 14,15
8	T.Anh	10	Đỗ Vũ Hùng Anh	Sáng Thứ 7 (Tiết 2,3)	Phòng lớp 11A12	10A3	Tuần 14,15
9	T.Anh	11	Đỗ Vũ Hùng Anh	Sáng Thứ 7 (Tiết 2,3)	Phòng lớp 11A12	11A12	Tuần 14,15
10	T.Anh	11	Ngô Kim Hòa	Tiết 3 Chiều Thứ 6	Phòng TH Sinh	11A13	Tuần 14,15
11	T.Anh	12	Nguyễn Thị Khanh	Tiết 4-Chiều Thứ 2,5	Phòng 18	12A09,18	Tuần 14,15
12	T.Anh	12	Trần Hồ Thúy Hương	Tiết 4 - Chiều Thứ 4 và Thứ 7 (8g-10g)	Phòng 104	12A11	Tuần 15

13	T.Anh	12	Lương Thị Giang	Thứ 7 (9g-10h30)	Phòng 20	12A8,15	Tuần 14,15
14	T.Anh	12	Nguyễn Hữu Phúc	Tiết 4 - Chiều Thứ 3	Phòng 107	12A4 và 12A14	Tuần 14,15
15	Vật lí	10	Nguyễn Thị Phương Nhung	Tiết 4 - Chiều Thứ 3	Phòng lớp 10A12	HS có TB<5 khối lớp 10	Tuần 14,15
16	Vật lí	11	Cao Hải Oanh	Tiết 4 - Chiều Thứ 4	Phòng lớp 11A04	11A04;05; 08;09;14	Tuần 14,15
17	Vật lí	11	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	Tiết 4 - Chiều Thứ 3	Phòng lớp 11A11	11A06;07; 11;12;16; 17;19;20	Tuần 14,15
18	Vật lí	12	Trần Thị Liên- Nguyễn Thị Bích Ngọc	Tiết 4 - Chiều Thứ 4,5	Phòng lớp 12A17	HS có TB<5 khối lớp 12	Tuần 14,15
19	Hóa học	10	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thứ Tư (16g30- 18g00)	Phòng lớp 10A03	HS có TB<5 khối lớp 10	Tuần 14,15
20	Hóa học	11	Nguyễn Chí Cường	Thứ Bảy (7g30-9g00)	Phòng lớp 11A03	11A03;04;0 6;8;11;12; 13;14	Tuần 14,15
21	Hóa học	11	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Thứ Bảy (7g30-9g00)	Phòng lớp 11A05	11A05; 07; 09,19	Tuần 14,15
22	Hóa học	12	Trần Thị Hiền Chung	Chủ nhật (7g30-9g00)	Phòng lớp 12A07	12A07; 08; 09	Tuần 14,15
23	Hóa học	12	Phạm Thị Phương Đào	Chủ nhật (7g30-9g00)	Phòng lớp 12A10	12A10;12	Tuần 14,15
24	Hóa học	12	Trần Thị Ngọc Dao	Chủ nhật (7g30-9g00)	Phòng lớp 12A14	12A14;17; 18	Tuần 14,15
25	Sinh học	10	Võ Thị Thu Hằng	Tiết 4-Chiều Thứ 2,5	Phòng lớp 10A10	10A10 10A11	Tuần 14,15

26	Sinh học	11	Võ Thị Thu Hằng	Tiết 4-Chiều Thứ 2,5	Phòng lớp 10A10	11A11	Tuần 14,15
27	Sinh học	11	Vũ Thị Thùy Vân	Chiều Thứ 7 (14g30-16g)	Phòng lớp 11A05	11A05 11A07	Tuần 14,15
28	Sinh học	12	Vũ Thị Thùy Vân	Chiều Thứ 7 (14g30-16g)	Phòng lớp 11A05	12A04 12A07	Tuần 14,15
29	Sinh học	12	Nguyễn Hồng Thủy	Sáng Thứ 7 (Tiết1,2)	Phòng lớp 12A09	12A08;09 12A10;11	Tuần 14,15
30	Lịch sử	11	Lê Thị Hiền	Thứ 7 (8h30- 10h30)	Phòng 108	HS có TB<5 khối lớp 11	Tuần 14,15
31	Lịch sử	12	Nguyễn Thị Hằng	Thứ 7 (14h30- 16h30)	Phòng 108	HS có TB<5 khối lớp 12	Tuần 14,15